

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2021/HS-PT

Ngày: 29-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Hoài

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lương, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Đào, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở TAND tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 147/2021/TLPT-HS ngày 11-8-2021 đối với các bị cáo Cao Thị H cùng các đồng phạm; do có kháng cáo của các bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2021/HS-ST ngày 08-7-2021 của TAND thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Cao Thị H** sinh năm 1994 tại tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKHKT: xóm 5A, xã Nghĩa Thuận, thị xã Th, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: số 37 Vạn Xuân khu phố Lang Biang, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: tự do; TRnh độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn B, sinh năm 1962, con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; chồng: không có và có 03 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Quyết định số 93/QĐ-CAP4 ngày 30/12/2015 bị Công an phường 4, thành phố Đ xử phạt hành chính 200.000đ về hành vi “Gây mất trật tự khu dân cư”. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*cấm đi khỏi nơi cư trú*”; hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1964 tại Thành phố Hà Nội; Nơi ĐKHTT: thôn Vài, xã Hợp Thanh, huyện M, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: số 190 Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp:

kinh doanh; TRnh độ văn hoá: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1930, con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1930; vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 và có 02 người con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12-5-2020, đến ngày 18-12-2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp “Bảo lãnh”, hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Trong vụ án này còn có các bị cáo K, bị cáo TR không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, hành vi bị cáo bị truy tố, xét xử được tóm tắt như sau:

Các bị cáo K, bị cáo H, bị cáo TR là những đối tượng sử dụng ma túy. Vào khoảng 22 giờ ngày 17-4-2020, bị cáo K gặp bị cáo H tại đường Thi Sách, phường 6, thành phố Đ và đưa cho bị cáo H số tiền 1.500.000đ đi mua ma túy để cùng sử dụng thì bị cáo H đồng ý.

Bị cáo H đưa số tiền 1.500.000đ nhờ bị cáo TR (*anh họ bị cáo H*) đi mua giúp 01 chấm Ketamine và 02 viên thuốc lắc thì bị cáo TR đồng ý. Bị cáo TR lái xe taxi 49A-270.79 đến khu vực Ngã năm Đại học Đà Lạt gặp và mua 01 gói Ketamine; 02 viên thuốc lắc màu hồng, hình dáng quả dâu tây (*đựng trong 01 gói nylon*) với giá 1.500.000đ của đối tượng tên Bin (*không rõ nhân thân, lai lịch*) sau đó đưa lại cho bị cáo H và ra về. Bị cáo H đưa số ma túy cho bị cáo K và do không tìm được địa điểm để sử dụng ma túy nên bị cáo K mang số ma túy trên về tại nhà cất giấu, còn Hà về lại nhà tại huyện L.

Đến khoảng 22 giờ ngày 18-4-2020, bị cáo K điện thoại rủ bị cáo H đến thành phố Đ để cùng sử dụng số ma túy đã mua nêu trên, bị cáo H đồng ý và đề nghị bị cáo K rủ thêm bị cáo TR cùng sử dụng ma túy thì bị cáo K đồng ý. Bị cáo H rủ bị cáo TR đến thành phố Đ để sử dụng ma túy thì bị cáo TR đồng ý. Bị cáo TR điều khiển xe taxi 49A-270.79 chở bị cáo H đến đường Huyền Trân Công Chúa, phường 4, thành phố Đ để đón bị cáo K; tại đây cả ba bị cáo thống nhất cùng đi thuê phòng khách sạn để sử dụng ma túy. Bị cáo TR chở bị cáo K, bị cáo H đến “*Khách sạn Khánh Huy (địa chỉ 190 đường Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Đà Lạt)*” thì dừng lại, bị cáo H trực tiếp vào khách sạn gặp bị cáo T (Quản lý khách sạn) và hỏi bị cáo T “*Còn phòng để bay không*” thì bị cáo T hiểu “*bị cáo Hà muốn thuê phòng để nghe nhạc và sử dụng ma túy*”, nên bị cáo T nói giá phòng 2.000.000đ. Bị cáo H trở ra xe taxi và nói với bị cáo K, bị cáo TR giá thuê phòng 2.000.000đ thì bị cáo K đồng ý các bị cáo cùng vào khách sạn, bị cáo K đưa chứng minh nhân dân và số tiền 2.000.000đ cho bị cáo

T và sau đó bị cáo T dẫn cả ba người lên Phòng 303 của khách sạn Khánh Huy (phòng mà bị cáo T đã lắp sẵn hệ thống loa, đèn xoay để phục vụ cho khách thuê phòng vừa sử dụng ma túy, vừa nghe nhạc nhằm tăng độ hưng phấn). Sau khi dẫn các bị cáo K, bị cáo H, bị cáo TR lên phòng; bị cáo T xuống bếp lấy 01 đĩa sứ màu trắng để trong cửa Phòng 303 rồi xuống quầy lễ tân và mở cửa khách sạn bình thường.

Tại phòng 303, bị cáo K lấy số ma túy đã mua vào ngày 17-4-2020 gồm 02 viên thuốc lắc màu hồng, hình quả dâu tây; 01 gói Ketamine đưa cho bị cáo H và bị cáo H bỏ số ma túy lên giường. Bị cáo H cắn $\frac{1}{2}$ viên thuốc lắc sử dụng cùng với nước ngọt, còn $\frac{1}{2}$ viên thuốc lắc bị cáo H bỏ lại vào gói nylon, 01 viên thuốc lắc vẫn để trên giường.

Bị cáo TR lấy gói Ketamine đồ toàn bộ lên chiếc đĩa sứ màu trắng và dùng thẻ nhựa màu cam dạng sim điện thoại có sẵn trong phòng cà mìn Ketamine để cả ba cùng sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Công an thành phố Đ kiểm tra phát hiện, bắt quả tang thu giữ cùng tang vật toàn bộ số Ketamine trên đĩa sứ trắng, một gói nylon chứa một viên và một mảnh viên thuốc lắc còn lại chưa kịp sử dụng.

Tang vật thu giữ:

- 01 gói nylon màu trắng một đầu có khóa dạng kẹp nhựa, bên trong có chứa 01 viên nén màu hồng hình dáng quả dâu tây và 01 mảnh viên nén màu hồng, nghi là ma túy.

- 01 lượng chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy, phát hiện thu giữ trên chiếc đĩa sứ trên nệm giường ngủ, được thu gom vào trong 01 gói nylon màu trắng miệng gói có khóa dạng kẹp nhựa kích thước 2x1,5cm.

- 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ nhựa một mặt màu cam dạng thẻ sim điện thoại Vietnammobile.

- 01 điện thoại di động Samsung màu đen đã qua sử dụng; 01 chứng minh nhân dân thu giữ của Nguyễn Thế K.

- 01 điện thoại di động OPPO F9 (màu xanh tím đã qua sử dụng trong có sim số 0942898145); 01 điện thoại di động hiệu OPPO (màu đen đã qua sử dụng trong có sim số: 0813195937); 01 giấy phép lái xe, 01 chứng minh nhân dân; 01 xe ô tô 4 chỗ hiệu Hyundai i10 màu trắng xám, biển số 49A-270.79 đã qua sử dụng có gắn phù hiệu Taxi Lado số tài 687 thu giữ của bị cáo TR;

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A80 màu xanh đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Redmi 6A màu xám bạc đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Hà.

- 03 loa màu đen nhãn hiệu SOUND MAX AW-300; 01 đèn chớp 7 màu vỏ màu đen; số tiền 2.000.000đ; 01 thông báo đăng ký giá (photo); 01 điện thoại di

động OPPO 1s màu hồng; 01 điện thoại di động Pantech V955 màu đen; 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn T thu giữ của bị cáo T.

Tại Kết luận giám định số 728/GĐ-PC09 ngày 22/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Mẫu tinh thể đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3675g, loại Ketamine; Mẫu một viên nén và 01 mảnh viên nén màu hồng được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,4660g, loại MDMA. Ketamine là chất ma túy nằm trong Danh mục III, STT 35; MDMA là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 27; Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15-5-2018 của Chính phủ.

Quá TRnh điều tra xác định: Bị cáo K là người khởi xướng rủ bị cáo H cùng sử dụng ma túy, là người đưa số tiền 1.500.000đ cho bị cáo H để mua ma túy, là người trả trả 2.000.000đ thuê phòng 303 khách sạn để cả nhóm cùng sử dụng ma túy.

Bị cáo H khi được bị cáo K rủ sử dụng ma túy, đề nghị rủ thêm bị cáo TR cùng tham gia sử dụng, bị cáo H nhận tiền từ bị cáo K và đưa số tiền này cho bị cáo TR mua ma túy; trực tiếp liên hệ thuê phòng 303 khách sạn Khánh Huy để cả nhóm cùng sử dụng ma túy.

Bị cáo TR là người trực tiếp liên hệ mua ma túy cho cả nhóm cùng sử dụng, bị cáo TR dùng xe chở cả nhóm tìm địa điểm sử dụng ma túy nên hành vi của bị cáo TR chuẩn bị (tàng trữ) ma túy.

Bị cáo T là quản lý khách sạn Khánh Huy và phòng 303 có chuẩn bị lắp sẵn hệ thống loa, đèn xoay để phục vụ việc sử dụng ma túy, khi bị cáo H, bị cáo K hỏi thuê phòng và biết việc thuê địa điểm để sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2021/HS-ST ngày 08-7-2021 của TAND thành phố Đà Lạt, đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thế K, bị cáo Cao Thị H, bị cáo Cao Văn TR, bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (*sau đây gọi chung viết tắt BLHS năm 2015*). Riêng bị cáo T được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế K 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18-4-2020.

Xử phạt bị cáo Cao Thị H 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt bị cáo Cao Văn TR 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18-4-2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12-5-2020 đến ngày 18-12-2020.

Ngoài ra, bản án còn xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 14-7-2021 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 26-7-2021 bị cáo Cao Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm; Các bị cáo khai nhận thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm, không thắc mắc khiếu nại bản án sơ thẩm; cùng giữ nguyên kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt. Về kháng cáo, bị cáo T xuất trình tài liệu “đã hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm”, bị cáo H không xuất trình được tài liệu tình tiết giảm nhẹ.

Đại diện VKSND tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Để tổ chức cùng sử dụng ma túy; bị cáo K đưa tiền cho bị cáo H mua ma túy, bị cáo H tiếp tục nhờ bị cáo TR trực tiếp mua ma túy và đưa cho bị cáo K cất giữ.

Đến khoảng 22 giờ ngày 18-4-2020, bị cáo K điện thoại rủ bị cáo H đến thành phố Đà Lạt để cùng sử dụng số ma túy đã mua nêu trên, bị cáo H đồng ý và đề nghị bị cáo K rủ thêm bị cáo TR cùng sử dụng ma túy thì bị cáo K đồng ý nên bị cáo H rủ bị cáo TR cùng sử dụng ma túy. Do vậy, bị cáo TR điều khiển xe taxi 49A-270.79 chở bị cáo H, bị cáo K đến “Khách sạn Khánh Huy” thuê phòng cùng sử dụng ma túy. Bị cáo T quản lý và biết rõ các bị cáo H, bị cáo K, bị cáo TR thuê phòng để sử dụng ma túy nhưng đồng ý và thu lợi 2.000.000đ.

Tại phòng 303, bị cáo K lấy số ma túy đã mua đưa cho bị cáo H và bị cáo H bỏ số ma túy lên giường. Bị cáo H cắn ½ viên thuốc lắc sử dụng cùng với nước ngọt, còn ½ viên thuốc lắc bị cáo H bỏ lại vào gói nylon, 01 viên thuốc lắc vẫn để trên giường. Bị cáo TR lấy gói Ketamine đổ T bộ lên chiếc đĩa sứ màu trắng (do bị cáo T đưa lên), dùng thẻ nhựa màu cam dạng sim điện thoại có sẵn trong phòng cà mìn Ketamine để cả ba cùng sử dụng nhưng chưa

kịp sử dụng thì bị Công an thành phố Đ kiểm tra phát hiện, bắt quả tang thu giữ cùng tang vật toàn bộ số Ketamine trên đĩa sứ trắng, một gói nylon chứa một viên và một mảnh viên thuốc lắc còn lại chưa kịp sử dụng. Đối chiếu lời khai của các bị cáo, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định; Cấp sơ thẩm đánh giá toàn diện chứng cứ đã tuyên bố các bị cáo K, bị cáo H, bị cáo TR và bị cáo T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của BLHS năm 2015 là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo H, bị cáo T, đối chiếu với tài liệu chứng cứ thể hiện: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, xâm hại đến khách thể quản lý, sử dụng chất ma túy; gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá phân hoá vai trò đồng phạm quy định các Điều 17, 58 của BLHS năm 2015, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015 để quyết định hình phạt là thỏa đáng.

Bị cáo H kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo T tuy xuất trình tài liệu tình tiết giảm nhẹ “*đã hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm*”, trong khi đó hành vi của bị cáo thực hiện vai trò đồng phạm như lắp đặt sẵn “*hệ thống loa, đèn xoay để phục vụ các bị cáo sử dụng ma túy*”, với hình phạt mức khởi điểm khung hình phạt là phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đề nghị nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] *Về án phí phúc thẩm*: Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Cao Thị H, bị cáo Nguyễn Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm; xử.

1. Tuyên bố các bị cáo Cao Thị H, bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58, 38 của BLHS năm 2015 đối với bị cáo H, bị cáo T. Bị cáo T được áp dụng thêm điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Cao Thị H 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án; được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12-5-2020 đến ngày 18-12-2020.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo Cao Thị H, bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV27- CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND Tp Đà Lạt (04);
- VKSND Tp Đà Lạt (01);
- Cơ quan CSĐT CA Tp Đà Lạt (01);
- Cơ quan THAHS CA Tp Đà Lạt (01);
- Bị cáo (02);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Kim Đồng

